

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2018

BÁO CÁO TỔNG KẾT
HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ 6 THÁNG NĂM 2018
(Căn cứ Phụ lục số 28 kèm theo Thông tư số 183/2011/TT-BTC)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ:

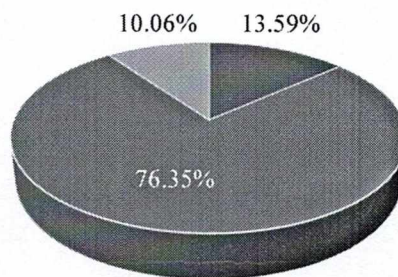
- Tên quỹ:	Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Việt Viết tắt: BVBF
- Loại hình quỹ:	Quỹ mở
- Mục tiêu đầu tư:	Tối đa hóa lợi nhuận cho nhà đầu tư trên cơ sở tận dụng hiệu quả các cơ hội đầu tư lãi suất cố định.
- Thời gian hoạt động:	Không giới hạn
- Benchmark:	Bình quân lãi suất tiền gửi 06 tháng của 04 ngân hàng VCB, BID, CTG, MBB (chỉ số tham chiếu để đánh giá nội bộ)
- Chính sách phân chia lợi nhuận:	Lợi nhuận có thể được phân chia dưới hình thức bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư (hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư).
- Số lượng đơn vị quỹ:	8.359.244,40 (thời điểm 30/06/2018)
- Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:	Chi tiết đính kèm

<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư trong kỳ báo cáo: 	<p>Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2018:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017 - Thông qua việc không thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2017 cho Nhà đầu tư - Phê duyệt Ngân sách hoạt động cho Ban Đại diện Quỹ năm 2018 - Bầu bổ sung thành viên và Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ - Thông qua sửa đổi một số nội dung tại Điều lệ Quỹ - Lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính Quỹ BVBF năm 2018
<ul style="list-style-type: none"> - Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 của Thông tư số 183/2011/TT-BTC: 	<p>Công ty quản lý quỹ đã thực hiện nghiêm chỉnh việc lập các báo cáo tuần, tháng, quý theo quy định cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p>

2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

a. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại 30/06/2018:

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (tính theo giá trị tài sản ròng):



■ Tiền gửi có kỳ hạn ■ Trái phiếu ■ Khác

- Giá trị tài sản ròng của quỹ: 114.090.740.615 VNĐ
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ: 13.648 VNĐ/CCQ
- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành: 8.359.244,40 CCQ

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị cao nhất trong 6 tháng đầu năm 2018: 13.779 (tại kỳ định giá ngày 11/04/2018)

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị thấp nhất trong 6 tháng đầu năm 2018: 12.460 (tại kỳ định giá ngày 03/01/2018)

- Tổng lợi nhuận của quỹ:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Thu nhập từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn)	5.393.311.458
2	Thu nhập từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, tiền gửi...)	5.173.097.982
3	Chênh lệch mua bán chứng khoán	-
5	Tổng chi phí	1.652.806.264
	Tổng lợi nhuận	8.913.603.176

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo: không có.
- Thời điểm phân chia lợi nhuận: không có.
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: không có.
- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ:

Tỷ lệ chi phí cuối quý I năm 2018	1,07%
Tỷ lệ chi phí cuối quý II năm 2018	1,01%

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay danh mục:

Tốc độ vòng quay danh mục quý I năm 2018	129,07%
Tốc độ vòng quay danh mục cuối quý II năm 2018	0,00%

b. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

- Trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm): 17.356.097.634 VNĐ.
- Trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 3 năm): 15.206.749.116 VNĐ
- Trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 5 năm): không có.

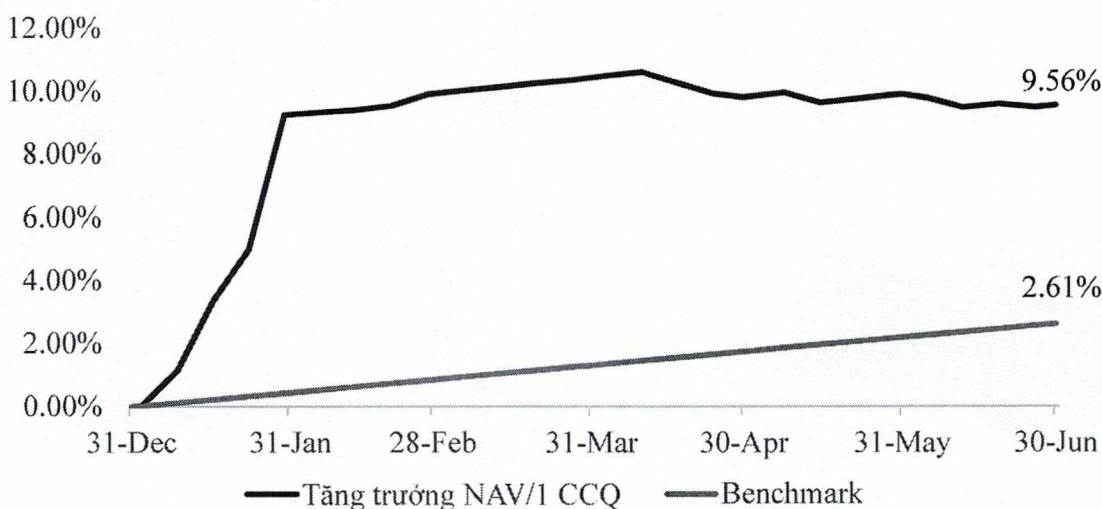
c. Các chỉ tiêu so sánh khác:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: phương pháp giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ, được Ban Đại diện Quỹ thông qua và kiểm tra, rà soát bởi Ngân hàng giám sát BIDV – Chi nhánh Hà thành.

- d. Báo cáo đã nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ:

- a. Thuyết minh về việc thay đổi Công ty Quản lý quỹ (nếu có): không có.
- b. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong kỳ báo cáo (bằng đồ thị):



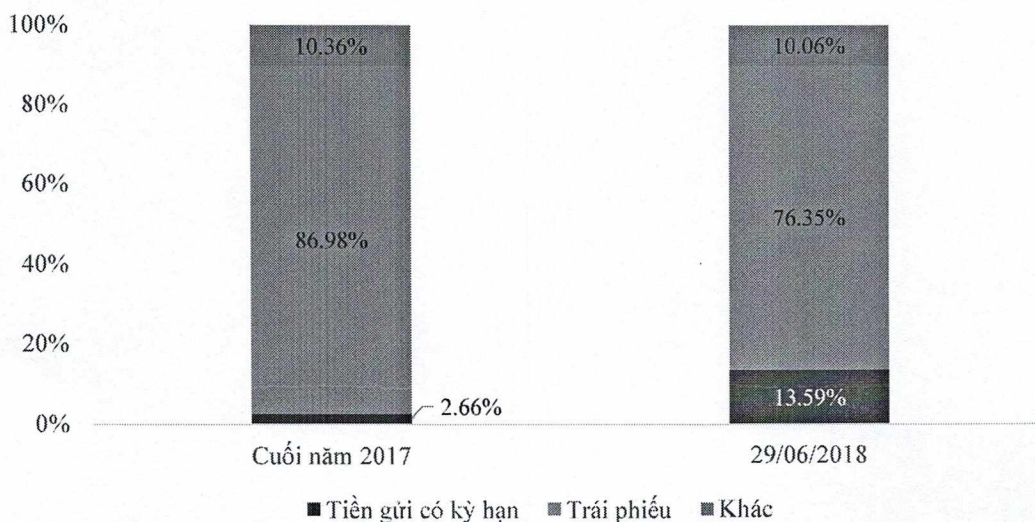
c. Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo:

Hoạt động đầu tư của Quỹ được thực hiện theo nguyên tắc thận trọng, tập trung khai thác các yếu tố mang tính nền tảng, dài hạn của nền kinh tế, thị trường lãi suất cố định cũng như doanh nghiệp. Danh mục đầu tư của Quỹ sẽ được cấu trúc theo hướng đa dạng hóa, kết hợp giữa các tài sản có mức độ rủi ro từ thấp đến cao theo tỷ lệ phù hợp để đạt được mục tiêu đầu tư. Bên cạnh đó, trong quá trình đầu tư, ngoài việc bám sát mục tiêu dài hạn, Công ty Quản lý Quỹ cũng sẽ linh hoạt tận dụng các cơ hội thị trường để gia tăng giá trị cho Quỹ.

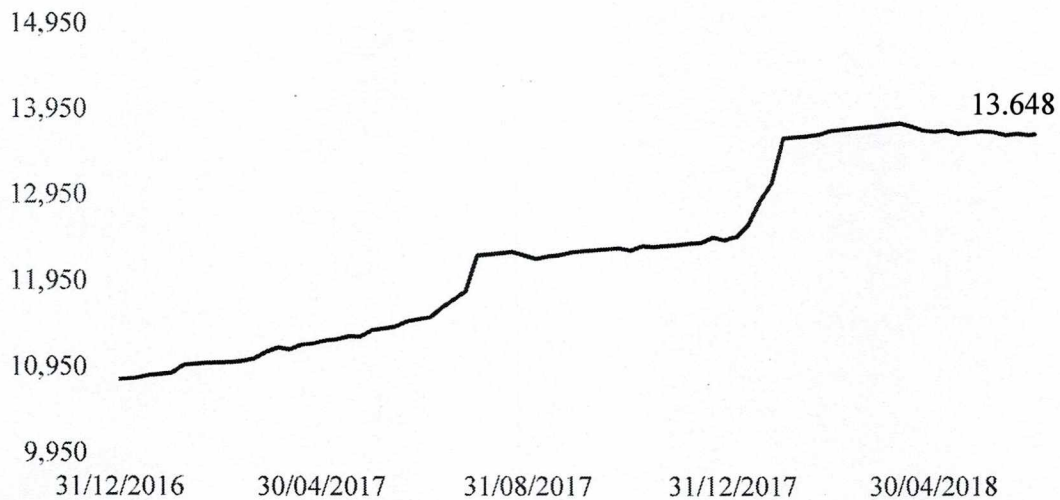
Cơ cấu tài sản mục tiêu:

Tài sản	Tỷ trọng	Ghi chú
Trái phiếu các loại	51 – 100%	<i>Cơ cấu tài sản mang tính định hướng. Tùy thuộc vào tình hình thị trường, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thay đổi cơ cấu tài sản của danh mục đầu tư để đảm bảo đạt được mục tiêu đầu tư của Quỹ.</i>
Các tài sản được phép đầu tư khác	0 – 49%	

d. Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề báo cáo:



e. Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phân lợi nhuận đã phân phối, nếu có):



f. Đánh giá biến động của thị trường:

- Tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm 2018 đạt 7,08% nhờ mức tăng đột biến của Quý I - cao hơn hẳn mức tăng 5,73% của cùng kỳ năm 2017 và cao nhất kể từ năm 2011 đến nay. Điểm sáng của 6 tháng đầu năm nay đến từ cả 3 khu vực: Khu vực công nghiệp và xây dựng (9%), khu vực nông, lâm, thủy sản (3,93) và khu vực dịch vụ (9%);
- Chỉ số giá tiêu dùng CPI bình quân nửa đầu năm 2018 tăng 3,29% so với bình quân cùng kỳ năm ngoái – CPI bình quân tiến gần đến mục tiêu 4% của Chính phủ. Các yếu tố ảnh hưởng đến chỉ số CPI: (i) giá mặt hàng thịt lợn 6 tháng đầu năm tăng khoảng 20% so với cuối năm 2017 (ii) Giá nhiên liệu trên thế giới tăng mạnh khiến xuất hiện những đợt điều chỉnh tăng giá xăng liên tiếp (iii) Giá nhóm hàng giao thông tăng khoảng 5% so với đầu năm (iv) nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng cũng là một trong những nhóm hàng tăng giá nhiều nhất trong tháng 6 (0,65%)
- IIP 6 tháng đầu năm 2018 tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tiếp tục là điểm sáng dẫn dắt tăng trưởng chung của toàn ngành với mức tăng 12,7%, đóng góp 9,7 điểm phần trăm vào mức tăng chung;
- PMI của Việt Nam trong Quý II liên tục tăng nhanh, tháng 6 đạt 55,7 điểm, cho thấy khu vực sản xuất của Việt Nam đang được mở rộng với tốc độ nhanh chóng, số lượng việc làm tăng cao kỷ lục;

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 6 tháng đầu năm ước tính đạt 2.120,9 nghìn tỷ đồng, tăng 10,7% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 8,3% (cùng kỳ năm 2017 tăng 7,9%);
- Đầu tư trực tiếp của nước ngoài từ đầu năm đến thời điểm 20/6/2018 thu hút 1.366 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 11.799,8 triệu USD, tăng 15,5% về số dự án và giảm 0,3% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2017. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 6 tháng đầu năm ước tính đạt 8,37 tỷ USD, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm 2017;
- Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2018 ước tính đạt 113,9 tỷ USD, tăng 16% so với cùng kỳ năm trước. Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 111,2 tỷ USD, tăng 10% so với cùng kỳ năm trước. Cán cân thương mại hàng hóa 6 tháng đầu năm xuất siêu 2,71 tỷ USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 12,94 tỷ USD;
- Diễn biến tỷ giá USD/VND 6 tháng đầu năm có xu hướng tăng ở cả tỷ giá trung tâm và tỷ giá giao dịch tại các NHTM. So với cuối năm 2017, tỷ giá trung tâm do NHNN công bố vào thời điểm cuối tháng 6 tăng 1%. Trong khi đó, tỷ giá giao dịch tại các NHTM có mức tăng mạnh hơn là 1,4% do biến động mạnh vào nửa cuối tháng 6;
- Lãi suất liên ngân hàng có xu hướng giảm là chủ đạo. Riêng trong quý II, sau khi tăng nhẹ cuối tháng 4, đầu tháng 5, lãi suất liên ngân hàng đã nhanh chóng giảm trở lại và ổn định vào cuối tháng 6/2018;
- Mặt bằng lãi suất huy động trong 6 tháng đầu năm nhìn chung ở mức ổn định. Lãi suất huy động VNĐ (kỳ hạn dưới 6 tháng) duy trì dưới mức trần do Ngân hàng Nhà nước quy định, thậm chí giảm nhẹ ở một số ngân hàng. Lãi suất cho vay cũng chủ yếu có xu hướng đi ngang, không giảm thêm;
- Trong 6 tháng đầu năm, lãi suất trúng thầu có xu hướng giảm đối với hầu hết tất cả các kỳ hạn, tuy nhiên biên độ giảm của lãi suất kỳ hạn ngắn cao hơn so với kỳ hạn dài. Việc lãi suất trúng thầu giảm trong 6 tháng đầu năm xuất phát từ một số nguyên nhân sau: (i) Thanh khoản hệ thống ngân hàng ở trạng thái khá tích cực, đặc biệt giai đoạn từ tháng 1 đến hết tháng 3 giúp các phiên đấu thầu có tỷ lệ trúng thầu cao, đặc biệt tại kỳ hạn dài 15 năm, 20 năm và 30 năm (ii) Cơ cấu phát hành các kỳ hạn trái phiếu trong 6 tháng đầu năm khá đa dạng, đặc biệt có nhiều kỳ hạn dài với khối lượng tăng so với cùng kỳ năm 2017 nên thu hút được nhiều dòng tiền đầu tư dài hạn từ các công ty bảo hiểm;

- Theo số liệu của VBMA, lợi suất giao dịch trái phiếu ở tất cả các kỳ hạn có xu hướng giảm vào đầu năm 2018. Bắt đầu từ giữa tháng 4/2018 lợi suất trái phiếu có dấu hiệu phục hồi nhưng vẫn thấp hơn so với đầu năm;
- g. Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (*nếu có*): không có.
- h. Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có.
- i. Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (*nếu có*): không có.
- j. Các thông tin khác (*nếu có*): không có.

4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- a. Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (*nếu có*): không có.
- b. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định về hạn chế đầu tư tại Điều 15, 17, 18, 19 của Thông tư thành lập và quản lý quỹ mở (183/2011/TT-BTC), hạn chế vay và hạn chế giao dịch tại Điều 92 của Luật chứng khoán: Không có.
- c. Công ty Quản lý Quỹ định giá sai chứng chỉ Quỹ mở:
 - Trường hợp mức độ định giá sai là lớn theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở: Không có
 - Trường hợp mức độ định giá sai là nhỏ, không phải bồi thường cho nhà đầu tư: Không có
- d. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định về phân phối chứng chỉ Quỹ: Không có
 - Chi tiết về việc phát hành CCQ

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2017	7.518.221,49 CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ phát hành thêm trong kỳ	2.112.572,52 CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ mua lại trong kỳ	(1.271.549,61) CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 30/06/2018	8.359.244,40 CCQ
- e. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định khác mà ngân hàng giám sát (“NHGS”) phát hiện: Không có.
- f. Các hoạt động khác.

Sai lệch về hạn chế đầu tư của Quỹ:

Không có.

5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

- a. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

Chỉ tiêu (từ ngày 31/12/2017 đến ngày 30/06/2018)	Số tiền hoặc tỷ lệ
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)	143.822.981
% Tổng chi phí ủy quyền/Lợi nhuận	1,61
% Tổng chi phí ủy quyền/Thu nhập	2,78
% Tổng chi phí ủy quyền/Tổng chi phí	8,70

- b. Các ảnh hưởng (*nếu có*) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: không có.
- c. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (*trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ*): Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt và Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt cung cấp dịch vụ đại lý phân phối, Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán Việt Nam nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

Chỉ tiêu (từ ngày 31/12/2017 đến ngày 30/06/2018)	Số tiền hoặc tỷ lệ
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)	143.822.981
Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	66.000.000
Phải trả cho Đại lý phân phối	77.822.981

- d. Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt nam (VSD). Dịch vụ đại lý phân phối ngoài BVF được ủy quyền cho Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt (BVSC). Theo đánh giá của BVF, VSD và BVSC đều là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập... Vì vậy, hoạt động ủy quyền cho Quỹ BVBF được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư cũng như công ty quản lý quỹ.

Trên đây là Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ trong 6 tháng đầu năm 2018 của Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt đối với Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Việt (BVBF).

Trân trọng./.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình An

